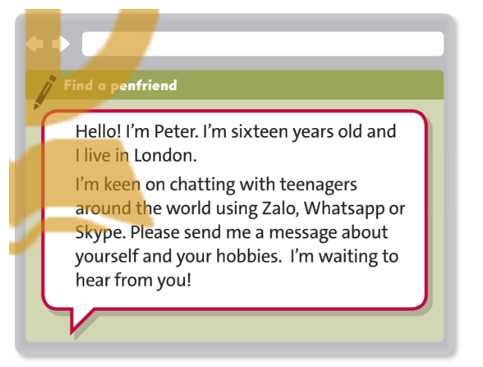
# Review Unit 1 Culture (trang 23)

**Tiếng Anh 11 Review Unit 1 Culture trang 23 - Friends Global**  
**(trang 23 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the text about staying young. Match the headings (A-G) with the paragraphs (1-5). There are two extra headings. (Đọc văn bản về việc luôn trẻ trung. Nối các tiêu đề (A-G) với các đoạn văn (1-5). Có hai tiêu đề thừa.)  
1. As people grow older, they often think back to the days of their youth. They remember the great friends of those days, great times together, and how bright the future looked. Of course, not everything was perfect - but it can look that way as we get older. And this can make people feel pessimistic and bitter.  
2. It doesn't need to be that way. There are many secrets to staying young in spirit well into old age. Why put up with feeling miserable when you can be enthusiastic instead? Here are some tips to keep you young at heart as you grow older.  
3. Relationships are extremely important. Family gives you comfort and support, and catching up with old friends can help older people to feel young.  
Making new friends is important, too - but make sure they are optimistic, enthusiastic people.  
4. Bad things happen to all of us. We split up with a boyfriend or girlfriend, and later we may have to do a boring job for years. But don't think too much about negative things. Deal with them, and get on with your life.  
5. Always keep special things around you, like family photos or favourite possessions - and be grateful that you can enjoy them. Thank your loved ones daily for sharing your life, too. When you see the pleasure on their faces, you will never feel old - even in your eighties!  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Khi lớn lên, người ta thường nhớ lại những ngày còn trẻ. Họ nhớ những người bạn tuyệt vời của những ngày đó, những khoảng thời gian tuyệt vời bên nhau và tương lai tươi sáng biết bao. Tất nhiên, không phải mọi thứ đều hoàn hảo - nhưng nó có thể trông như vậy khi chúng ta già đi. Và điều này có thể khiến mọi người cảm thấy bi quan và cay đắng.  
2. Không cần phải như vậy. Có rất nhiều bí quyết để giữ được tinh thần tươi trẻ cho đến tuổi già. Tại sao phải chịu đựng cảm giác đau khổ khi thay vào đó bạn có thể nhiệt tình? Dưới đây là một số mẹo giúp bạn luôn trẻ trung khi về già.  
3. Các mối quan hệ là vô cùng quan trọng. Gia đình mang đến cho bạn sự an ủi và hỗ trợ, đồng thời gặp gỡ những người bạn cũ có thể giúp người lớn tuổi cảm thấy trẻ trung.  
Kết bạn mới cũng rất quan trọng - nhưng hãy chắc chắn rằng họ là những người lạc quan, nhiệt tình.  
4. Những điều tồi tệ xảy ra với tất cả chúng ta. Chúng ta chia tay với bạn trai hay bạn gái, và sau này chúng ta có thể phải làm một công việc nhàm chán trong nhiều năm. Nhưng đừng suy nghĩ quá nhiều về những điều tiêu cực. Đối phó với chúng, và tiếp tục cuộc sống của bạn.  
5. Luôn giữ những thứ đặc biệt xung quanh bạn, chẳng hạn như ảnh gia đình hoặc tài sản yêu thích - và biết ơn vì bạn có thể tận hưởng chúng. Cảm ơn những người thân yêu của bạn hàng ngày vì đã chia sẻ cuộc sống của bạn. Khi bạn nhìn thấy niềm vui trên khuôn mặt của họ, bạn sẽ không bao giờ cảm thấy già đi - ngay cả khi bạn đã ngoài tám mươi!  
A. The importance of people in your life  
B. Ageing can be a positive experience  
C. You can choose to stay young  
D. Appreciate the things and people in your life  
E. Looking back can make old people feel bad  
F. Getting over the negatives and moving on  
G. Even pessimists can have friends  
**Hướng dẫn dịch:**  
A. Tầm quan trọng của mọi người trong cuộc sống của bạn  
B. Lão hóa có thể là một trải nghiệm tích cực  
C. Bạn có thể chọn trẻ trung  
D. Đánh giá cao những điều và mọi người trong cuộc sống của bạn  
E. Nhìn lại có thể khiến người già cảm thấy tồi tệ  
F. Vượt qua những điều tiêu cực và tiếp tục  
G. Ngay cả những người bi quan cũng có thể có bạn bè  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. E  
  
  
2. B  
  
  
3. A  
  
  
4. F  
  
  
5. D  
  
  
  
  
  
**(trang 23 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Listen to two young people talking about their family history. You will hear the recording twice. Are the statements true (T) or false (F)? (Hãy nghe hai bạn trẻ nói về lịch sử gia đình của họ. Bạn sẽ nghe đoạn ghi âm 2 lần. Các câu đúng (T) hay sai (F)?)  
1. Lila has no memory of moving to the UK.  
2. Lila's mother made the decision to move to the UK.  
3. Most of Tim's family came to the UK from Norway.  
4. Tim's father grew up in the countryside.  
5. Tim admires his father's achievements.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Lila không nhớ gì về việc chuyển đến Vương quốc Anh.  
2. Mẹ của Lila đã quyết định chuyển đến Vương quốc Anh.  
3. Hầu hết gia đình Tim đến Vương quốc Anh từ Na Uy.  
4. Bố của Tim lớn lên ở nông thôn.  
5. Tim ngưỡng mộ thành tích của cha mình.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. T  
  
  
2. F  
  
  
3. F  
  
  
4. T  
  
  
5. T  
  
  
  
  
**Nội dung bài nghe:**  
T: You weren’t born in the UK, were you, Lila?  
L: No, Tim, but I was only six months old when my family emigrated here from the Ukraine. So I don’t remember anything about it. Of course I’ve been there many times, but only Britain feels like my home.  
T: What made your family come here? That’s a big change!  
L: Actually, my dad went to university in London, and then he went back and taught at a school in Kiev. He and my mum got married and started a family. But my dad really wanted to come to the UK − and my mum didn’t really mind − so we moved here.  
T: My family on my mother’s side came from abroad as well, but it’s so long ago that no one really knows why they came here.  
L: Where did they come from?  
T: My great-grandparents on my mother’s side came from Norway. My great-grandad made musical instruments like violins, and we guess he came here to start a business in London.  
L: Was he successful?  
T: Yes, he was. There’s still a shop in the East End with his name on it, and it’s quite well known.  
L: What about your father’s family? Were they immigrants as well?  
T: No, not at all. They were farmers in the south of England. My dad was actually raised on a farm there, and he was the first in his family to go to university. I really look up to him. I’m particularly proud of him because he worked very hard to get where he is today.  
**Hướng dẫn dịch:**  
T: Bạn không sinh ra ở Anh phải không Lila?  
L: Không, Tim, nhưng tôi chỉ mới sáu tháng tuổi khi gia đình tôi di cư từ Ukraine đến đây. Vì vậy, tôi không nhớ bất cứ điều gì về nó. Tất nhiên tôi đã đến đó nhiều lần, nhưng chỉ có nước Anh là nhà của tôi.  
T: Điều gì khiến gia đình bạn đến đây? Đó là một sự thay đổi lớn!  
L: Thực ra, bố tôi đã học đại học ở London, sau đó ông quay lại và dạy ở một trường học ở Kiev. Anh ấy và mẹ tôi kết hôn và bắt đầu một gia đình. Nhưng bố tôi thực sự muốn đến Vương quốc Anh - và mẹ tôi không thực sự bận tâm - vì vậy chúng tôi đã chuyển đến đây.  
T: Gia đình bên ngoại tôi cũng từ nước ngoài vào, nhưng lâu quá rồi nên cũng không ai biết tại sao họ lại đến đây.  
L: Họ đến từ đâu?  
T: Ông bà cố của tôi bên mẹ tôi đến từ Na Uy. Ông cố của tôi đã chế tạo các nhạc cụ như đàn vĩ cầm, và chúng tôi đoán ông ấy đến đây để bắt đầu kinh doanh ở London.  
L: Anh ấy có thành công không?  
T: Có. Vẫn còn một cửa hàng ở East End mang tên anh ấy và nó khá nổi tiếng.  
L: Thế còn gia đình của bố bạn thì sao? Họ có phải là người nhập cư không?  
T: Không, không hề. Họ là nông dân ở miền nam nước Anh. Bố tôi thực sự lớn lên trong một trang trại ở đó, và ông là người đầu tiên trong gia đình đi học đại học. Tôi thực sự ngưỡng mộ anh ấy. Tôi đặc biệt tự hào về anh ấy vì anh ấy đã làm việc rất chăm chỉ để có được ngày hôm nay.  
  
**(trang 23 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Work in pairs. Imagine the following situation. Your friend from another town is coming to stay with your family for two weeks over the summer holidays. Give him / her some advice. Discuss the following points (Làm việc theo cặp. Hãy tưởng tượng tình huống sau đây. Bạn của bạn từ một thị trấn khác sẽ đến ở với gia đình bạn trong hai tuần trong kỳ nghỉ hè. Hãy cho anh ấy/cô ấy một số lời khuyên. Thảo luận về các điểm sau)  
• What he / she should pack for the visit  
• Activities you could do together  
• Advice on staying with your family  
• What sports he / she can do in your town  
**Hướng dẫn dịch:**  
• Những gì anh ấy / cô ấy nên đóng gói cho chuyến thăm  
• Các hoạt động bạn có thể làm cùng nhau  
• Tư vấn về việc ở cùng gia đình  
• Những môn thể thao anh ấy / cô ấy có thể chơi trong thị trấn của bạn  
Swap roles and repeat the Speaking activity. (Đổi vai và lặp lại hoạt động Nói.)  
  
**(trang 23 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: You have seen this advertisement on a website. Write a message (70-80 words) in reply and provide the information Peter asks for. Include a request for information in your message. (Bạn đã thấy quảng cáo này trên một trang web. Viết một tin nhắn (70-80 từ) để trả lời và cung cấp thông tin mà Peter yêu cầu. Bao gồm một yêu cầu thông tin trong tin nhắn của bạn.)  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
Xin chào! Tôi là Peter. Tôi mười sáu tuổi và tôi sống ở London.  
Tôi rất thích trò chuyện với thanh thiếu niên trên khắp thế giới bằng Zalo, Whatsapp hoặc Skype. Xin vui lòng gửi cho tôi một tin nhắn về bản thân và sở thích của bạn. Tôi đang đợi tin từ bạn!  
(đang cập nhật nội dung)  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 11 sách Friends Global hay, chi tiết khác:**  
Unit 1A. Vocabulary (trang 12, 13)  
Unit 1B. Grammar (trang 14)  
Unit 1C. Listening (trang 15)  
Unit 1D. Grammar (trang 16)  
Unit 1E. Word Skills (trang 17)  
Unit 1F. Reading (trang 18, 19)  
Unit 1G. Speaking (trang 20)  
Unit 1H. Writing (trang 21)  
Unit 1I. Culture (trang 22)  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 11 sách Friends Global hay, chi tiết khác:**  
Unit I: Introduction  
Unit 2: Leisure time  
Unit 3: Sustainable health  
Unit 4: Home